|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT YÊN THÀNH 2** | **ĐỀ THI KHẢO SÁT ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI LỚP 12 (Lần 1)**  **NĂM HỌC 2023 - 2024**  Môn thi: **ĐỊA LÍ**  *Thời gian làm bài: 150 phút, không kể thời gian giao đề* |
|

**Câu I (3,0 điểm).**

a. Trình bày nguyên nhân và hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa.

b. Địa hình ảnh hưởng đến lượng mưa, chế độ nước sông và mực nước ngầm như thế nào?

c. Phân biệt gió Mậu dịch và gió mùa.

**Câu II (3,0 điểm).**

a. Phân tích nguyên nhân gây biến đổi khí hậu toàn cầu. Nạn phá rừng bừa bải gây ra những hậu quả gì?

b. Chính sách dân số đã tác động đến dân số và xã hội Trung Quốc như thế nào?

c. Tại sao Nhật Bản lại chú trọng phát triển các ngành công nghiệp cao cấp đòi hỏi nhiều chất xám?

**Câu III (3,0 điểm).**

a. Vị tri địa lí và hình dạng lãnh thổ có ảnh hưởng như thế nào đến khí hậu nước ta?

b. Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, cho biết hướng tây bắc-đông nam của dãy Trường Sơn Bắc có ảnh hưởng như thế nào tới khí hậu của vùng Bắc Trung Bộ?

c. Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, so sánh những điểm khác nhau về địa hình của Đồng bằng Sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long. Tại sao Đồng bằng sông Cửu Long chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của biến đổi khí hậu?

**Câu IV (3,0 điểm).**

**a.** Cho bảng số liệu sau, nhận xét tình hình sản xuất lúa của nước ta giai đoạn 2010 - 2021

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2021

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2019** | **2021** |
| **Diện tích** *(Triệu ha)* | 7,5 | 7,8 | 7,7 | 7,2 |
| **Sản lượng** *(Triệu tấn)* | 40,0 | 45,1 | 43,5 | 43,8 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê 2020, NXB Thống kê 2021)*

b. Cho bảng số liệu sau, nhận xét về chế độ nhiệt và chế độ mưa của Hà Nội

NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA CỦA TRẠM KHÍ TƯỢNG HÀ NỘI

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| **Nhiệt độ (0C)** | 16,4 | 17,0 | 20,2 | 23,7 | 27,3 | 28,8 | 28,9 | 28,2 | 27,2 | 24,6 | 21,4 | 18,2 |
| **Lượng mưa (mm)** | 18,6 | 26,2 | 43,8 | 90,1 | 188,5 | 239,9 | 288,2 | 318,0 | 265,4 | 130,7 | 43,4 | 23,4 |

**Câu V (3,0 điểm).** Cho bảng số liệu:

**SỐ LƯỢT HÀNH KHÁCH LUÂN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 – 2020**

*(Đơn vị: Triệu lượt người.km)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2018** | **2019** | **2020** |
| Trong nước | 14 271,1 | 34 189,2 | 36 379,3 | 25 781,4 |
| Quốc tế | 27 797,3 | 33 666,8 | 41 023,5 | 8 343,5 |

a. Bảng số liệu trên vẽ được những loại biểu đồ nào?

b. Để thể hiện sự thay đổi cơ cấu số lượt hành khách luân chuyển bằng đường hàng không nước ta giai đoạn 2015 – 2020, vẽ biểu đồ nào là thích hợp nhất? Tại sao?

**----- Hết -----**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| ***I***  ***(4,5 điểm)*** | ***1*** | ***Trình bày nguyên nhân và hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa.*** | ***1,5*** |
| a. Nguyên nhân:  Do trục Trái Đất nghiêng và không đổi phương trong khi chuyển động quanh Mặt Trời nên tùy vị trí Trái Đất trên quỹ đạo mà ngày, đêm dài ngắn theo mùa | 0,25 |
| b. Hiện tượng:  Mùa theo dương lịch và độ dài ngày, đêm ở hai bán cầu trái ngược nhau. Ở bán cầu bắc | 0,25 |
| + Mùa xuân: Ngày dài hơn đêm. Song, ngày càng dài và đêm càng ngắn khi Mặt Trời càng gần chí tuyến Bắc. Riêng ngày 21–3 thời gian ban ngày bằng thời gian ban đêm, bằng 12 giờ ở mọi nơi. | 0,25 |
| + Mùa hạ: Ngày vẫn dài hơn đêm, nhưng khi Mặt Trời càng gần Xích đạo thì ngày càng ngắn dần, đêm càng dài dần. Ngày 22–6 có thời gian ban ngày dài nhất, thời gian ban đêm ngắn nhất trong năm. | 0,25 |
| + Mùa thu: Ngày ngắn hơn đêm. Mặt Trời càng xuống gần chí tuyến Nam ngày càng ngắn, đêm càng dài. Riêng ngày 23–9 thời gian ban ngày bằng thời gian ban đêm, bằng 12 giờ ở mọi nơi. | 0,25 |
| + Mùa đông: Ngày vẫn ngắn hơn đêm. Khi Mặt Trời càng gần Xích đạo thì ngày dài dần, đêm ngắn dần. Ngày 22–12 có thời gian ban ngày ngắn nhất, thời gian ban đêm dài nhất trong năm. | 0,25 |
| ***2.*** | ***Địa hình ảnh hưởng đến lượng mưa, chế độ nước sông và mực nước ngầm như thế nào?*** | ***1,5*** |
| - Ảnh hưởng đến lượng mưa:  + Cùng một sườn núi đón gió, càng lên cao nhiệt độ càng giảm, càng mưa nhiều, tới một độ cao nào đó, độ ẩm không khí đã giảm nhiều, sẽ không còn mưa.  + Cùng một dãy núi, sườn đón gió mưa nhiều, sườn khuất gió thường mưa ít, khô ráo. | 0,25  0,25 |
| - Ảnh hưởng đến chế độ nước sông:  + Độ dốc địa hình lớn, nước mưa tập trung nhanh vào sông, khiến cho mực nước dâng nhanh. | 0,25 |
| - Ảnh hưởng đến mực nước ngầm:  + Độ dốc địa hình có tác dụng tăng cường hay giảm bớt lượng ngấm của nước mưa.  + Độ dốc lớn, nước mưa chảy nhanh nên thấm ít → mực nước ngầm thấp.  + Độ dốc nhỏ, nước thấm nhiều hơn → mực nước ngầm cao. | 0,25  0,25  0,25 |
| ***3*** | ***Phân biệt gió Mậu dịch và gió mùa*** | ***1,5*** |
| \* Thời gian hoạt động: Gió mùa hoạt động theo mùa, gió Mậu dịch ổn định quanh năm. | 0,25 |
| \* Nguyên nhân hình thành:  - Gió mùa: Phức tạp, chủ yếu do sự nóng lên hoặc lạnh đi không đều giữa lục địa và đại dương theo mùa, từ đó hình thành các vùng áp cao, áp thấp theo mùa ở lục địa và địa dương.  - Gió Mậu dịch: Do sự chênh lệch khí áp giữa đai áp cao cận nhiệt đới và áp thấp xích đạo. | 0,25  0,25 |
| \* Hướng, tính chất:  - Gió mùa: hướng gió hai mùa có chiều ngược nhau, tính chất thay đổi theo mùa. Mùa đông, tính chất lạnh khô. Mùa hạ, tính chất nóng ẩm.  - Gió Mậu dịch: hướng cố định, không thay đổi (bán cầu Bắc hướng đông bắc, bán cầu Nam hướng đông nam), tính chất khô, đặc biệt trên lục địa, gió chỉ gây mưa khi vượt một chặng đường dài trên đại dương và gặp địa hình chắn gió. | 0,25  0,25 |
|  | \* Phạm vi hoạt động:  - Gió mùa hoạt động ở một số khu vực thuộc đới nóng và một số nơi vĩ độ trung bình. Gió Mậu dịch hoạt động trong khu vực nội chí tuyến. | 0,25 |
| ***II***  ***(3,0 điểm)*** | ***1*** | ***a. Phân tích nguyên nhân gây biến đổi khí hậu toàn cầu.*** | ***1,5*** |
| Do quá trình phát triển công nghiệp  + Đây là nguyên nhân hàng đầu  + Hoạt động công nghiệp phát sinh một lượng lớn khí thải, nước thải và bụi bẩn | 0,25  0,25 |
| Do nạn phá rừng |  |
| + Việc phá rừng đang diễn ra phức tạp ở nhiều nơi | 0,25 |
| + Rừng là lá phổi xanh của Trái Đất giúp hấp thụ khí CO2 thải ra khí oxy. Khi rừng bị chặt phá thì đồng nghĩa với việc lá phổi của TĐ bị hư hại | 0,25 |
| Do tăng nhanh lượng phương tiện giao thông, nhát là ở các thành phố. Các phương tiện giao thông xả khói bụi và làm ô nhiễm môi trường, làm tăng hiệu ứng nhà kính. | 0,25 |
| Các nguyên nhân khác: |  |
| Sự biến đổi từ tự nhiên: phun trào núi lửa sinh ra lượng lớn tro bụi, gây ô nhiễm môi trường, phát sinh khí độc hại ảnh hưởng đến bầu khí khí quyển, … | 0,25 |
| ***b. Nạn phá rừng bừa bải gây ra những hậu quả gì?*** | ***1,0*** |
| - Làm cho biến đổi khí hậu toàn cầu diễn ran nhah hơn | 0,25 |
| - Làm mất môi trường sống của nhiều loài động thực vật, dẫn đến nguy cơ tuyệt chủng và tuyệt chủng nhiều loại quý hiếm. | 0,25 |
| - Làm gia tăng các thiên tai, như: lũ lụt, lũ quét, sạt lỡ đất vào mùa mưa, hạn hán vào mùa khô. | 0,25 |
| - Gây khó khăn cho sản xuất, nhất là nông nghiệp và đời sống con người | 0,25 |
| ***2*** | ***Chính sách dân số đã tác động đến dân số và xã hội Trung Quốc như thế nào?*** | ***1,5*** |
| - TQ đã áp dụng chính sách DS triệt để: Mỗi gia đình chỉ có một con. | 0,5 |
| - Tác động tích cực: |  |
| + Làm giảm nhanh tỉ suất sinh và tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên | 0,25 |
| + Tạo điều kiện để nâng cao chất lượng cuộc sống, phát triển kinh tế. | 0,25 |
| - Tác động tiêu cực: |  |
| + Mất cân bằng giới tính (do chính sách DS trên cùng với tư tưởng trọng nam) | 0,25 |
| + Già hóa dân số nhanh, ảnh hưởng đến nguồn lao động và một số vấn đề xã hội khác (nạo phá thai, buôn bán phụ nữ, …) | 0,25 |
| ***3*** | ***Tại sao Nhật Bản lại chú trọng phát triển các ngành công nghiệp cao cấp đòi hỏi nhiều chất xám?*** | ***1,5*** |
| Điều kiện tự nhiên và TNTN không thuận lợi cho Nhật Bản phát triển các ngành công nghiệp truyền thống. | 0,25 |
| Giá nhân công cao, giá năng lượng tăng, sự ô nhiễm môi trường | 0,25 |
| Sự cạnh tranh của các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước công nghiệp mới đã đưa đến những khủng hoảng trong khu vực công nghiệp truyền thống | 0,25 |
| Nhật Bản là một nước công nghiệp phát triển nên hội tụ đủ các điều kiện dể phát triển các ngành kĩ thuật cao:  + Lực lượng lao động có trình độ tay nghề cao  + Nguồn vốn lớn thuận lợi để đầu tư nghiên cứu và ứng dụng khoa học kĩ thuật. | 0,25  0,25 |
|  | Những thành tựu đạt được từ ngành công nghiệp cao cấp sẽ góp phần làm tăng sức cạnh tranh của Nhật Bản đối với các cường quốc kinh tế khác, đồng thời sẽ khẳng định vị trí của Nhật Bản trên trường thế giới. | 0,25 |
| ***III***  ***(4,0 điểm)*** | ***1*** | ***Vị tri địa lí và hình dạng lãnh thổ có ảnh hưởng như thế nào đến khí hậu nước ta?*** | ***2,0*** |
| - Vị trí địa địa lí quy định đặc điểm cơ bản của khí hậu nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. | 0,25 |
| - Nằm trong vùng nội chí tuyến BCB, một năm có hai lần mặt trời lên thiên đỉnh => lãnh thổ nước ta nhận được lượng bức xạ lớn, khí hậu có tính nhiệt đới. | 0,25 |
| - Giáp Biển Đông, đường bờ biển dài => khí hậu mang tính hải dương, lượng mưa lớn, độ ẩm cao. | 0,25 |
| - Nằm trong khu vực châu Á gió mùa => khí hậu nước ta có sự phân mùa rõ rệt. | 0,25 |
| - Nằm trong vùng nội chí tuyến BCB => có gió Tín phong BCB, gây mưa cho vùng ven biển Trung Bộ, tạo mùa khô cho Nam Bộ và Tây Nguyên. | 0,25 |
| - Nằm trong vùng giao tranh của các khối khí hoạt động theo mùa, khí hậu có nhiều biến động thất thường (bão, áp thấp, lũ lụt, hạn hán...). | 0,25 |
| - Vị trí địa địa lí kết hợp với hình dáng lãnh thổ trải dài trên nhiều vĩ độ cùng với hoạt động của gió mùa => khí hậu nước ta phân hóa theo chiều Bắc - Nam. | 0,25 |
| - Lãnh thổ hẹp ngang cùng hướng nghiêng Tây Bắc - Đông Nam => ảnh hưởng của biển vào sâu trong đất liền, mang lượng mưa lớn cho cả nước. | 0,25 |
| ***2*** | ***Cho biết hướng tây bắc-đông nam của dãy Trường Sơn Bắc có ảnh hưởng như thế nào tới khí hậu của vùng Bắc Trung Bộ?*** | ***1,25*** |
| Hướng tây bắc-đông nam của dãy Trường Sơn Bắc có ảnh hưởng sâu sắc tới sự phân hóa khí hậu theo thướng tây-đông của vùng Bắc Trung Bộ. Sự thay đổi này thể hiện theo thời gian như sau: | 0,25 |
| - Vào mùa hạ |  |
| + Gây ra hiện tượng fơn. Nguyên nhân: gió mùa Tây Nam thổi từ vịnh Bengan đến nước ta, sau khi gây mưa cho sườn đón gió (sườn Tây), gió vượt núi và hình thành gió Tây khô nóng (gió Lào). | 0,25 |
| + Tác động tới thời tiết rất khô và nóng tới các tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ… | 0,25 |
| - Vào mùa đông |  |
| + Gây ra mưa cho vùng Bắc Trung Bộ, nguyên nhân là do bức chắn địa hình của dãy Trường Sơn Bắc gần như vuông góc với hướng gió gây mưa. | 0,25 |
| + Tác động tới thời tiết: Lạnh và ẩm, mưa nhiều vào đông đặc biệt ở vùng ven biển các tỉnh từ Hà Tĩnh đến Huế… | 0,25 |
| ***3*** | ***a. Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, so sánh những điểm khác nhau về địa hình của Đồng bằng Sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Tiêu chí*** | ***Đồng bằng Sông Hồng*** | ***Đồng bằng sông Cửu Long.*** | | nguồn gốc | do sông Hồng và sông Thái Bình bồi tụ | do sông Mê Công bồi tụ | | diện tích | diện tích nhỏ hơn | diện tích lớn hơn | | đặc điểm hình thái | địa hình cao ở phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển, bị chia cắt thành nhiều ô, có hệ thống đê ngăn lũ, trong đê gồm các khu ruộng bậc cao bạc màu và ô trũng ngập nước | địa hình thấp và bằng phẳng hơn, không có đê nhưng có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, có những vùng trũng rộng lớn | | khả năng mở rộng | khả năng mở rộng ít hơn | khả năng mở rộng nhiều hơn | | lịch sử khai thác | được khai thác sớm hơn. | khai thác muộn hơn | | ***1,25***  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| ***b. Tại sao Đồng bằng sông Cửu Long chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của biến đổi khí hậu?*** | ***1,0*** |
| - Địa hình thấp trũng, 3 mặt giáp biển, nhiều sông ngòi kênh rạch, nhiều cửa sông, nước biển xâm nhập nhanh.  - Lưu lượng nước sông Mê Công giảm do xây dựng các đập thủy điện ở thượng lưu và trung lưu; con người khai thác nước ngầm quá mức làm bề mặt đồng bằng sụt lún. | 0,5  0,5 |
| ***IV***  ***(2,5 điểm)*** | ***1*** | ***Nhận xét tình hình sản xuất lúa của nước ta giai đoạn 2010 - 2021*** | ***1,0*** |
| Tình hình sản xuất lúa của nước ta giai đoạn 2010 – 2021 có nhiều biến động | 0,25 |
| Diện tích lúa có xu hướng giảm (d/c) nhưng không ổn định (d/c) | 0,25 |
| Sản lượng lúa có xu hướng tăng (d/c) tuy nhiên cũng không ổn định (d/c) | 0,25 |
| Năng suất lúa:  NĂNG SUẤT LÚA CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2021   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **2010** | **2015** | **2019** | **2021** | | **Năng suất (tạ/ha)** | 55,3 | 57,8 | 56,5 | 60,8 |   Năng suất lúa có xu hướng tăng, tuy nhiên cũng có sự biến động. Năng suất lúa tăng là nguyên nhân làm tăng sản lượng lúa nước ta thời gian này. | 0,25 |
| ***2*** | ***Nhận xét về chế độ nhiệt và chế độ mưa của Hà Nội*** | ***1,5*** |
| Nhiệt độ trung bình năm cao và thay đổi theo mùa (d.c) | 0,25 |
| Nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất 16,40C (tháng 1), tháng cao nhất là 28,90C (tháng 7) | 0,25 |
| Biên độ nhiệt năm lớn, 12,50C | 0,25 |
| Tổng lượng mưa cả năm lớn,1676,2mm | 0,25 |
| Chế độ mưa theo mùa, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 (chiếm 85,4% lượng mưa cả năm), mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau (chỉ chiếm 14,6% lượng mưa cả năm) | 0,25 |
| Tháng mưa nhiều nhất là tháng 8 với 318mm, tháng mưa ít nhất là tháng 1, chỉ 18,6mm. Chênh lệch hơn 17 lần | 0,25 |
| **V (2,0 điểm)** | ***1*** | ***Bảng số liệu trên vẽ được những loại biểu đồ nào?*** | ***0.5*** |
| Tròn, miền, cột, đường (nêu đúng 4 loại cho 0.5, 1 đến 3 loại cho 0.25) | 0.5 |
| ***2*** | ***Để thể hiện sự thay đổi cơ cấu số lượt hành khách luân chuyển bằng đường hàng không nước ta giai đoạn 2015 – 2020, vẽ biểu đồ nào là thích hợp nhất là:*** Biểu đồ miền | ***0.5*** |
| ***3*** | ***Tại vì:*** | ***1.0*** |
| Biểu đồ đường: không thể hiện được chuyển dịch cơ cấu | 0.25 |
| Biểu đồ cột chồng theo tương đối: có thể thể hiện chuyển dịch cơ cấu nhưng không trực quan như biểu đồ miền | 0.25 |
| Biểu đồ tròn: Thường thể hiện quy mô và cơ cấu, số năm ít hơn hoặc bằng 3 năm. Trong khi yêu cầu của đề là thể hiện chuyển dịch cơ cấu và số năm của bảng số liệu là 4 năm | 0.25 |
| Như vậy, biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện sự thay đổi cơ cấu số lượt hành khách luân chuyển bằng đường hàng không nước ta giai đoạn 2015 – 2020 là biểu đồ miền | 0.25 |
| **TỔNG ĐIỂM TOÀN BÀI** | | | **20,00** |